

Đánh giá năng suất lao động xã hội bằng phương pháp tỷ trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế - ứng dụng tại Phú Yên

ThS. NGUYỄN THỊ ĐÔNG

Học viện Ngân hàng - Phân viện Phú Yên

Nghiên cứu này đo lường sự tăng năng suất lao động xã hội thông qua quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ngành của tỉnh Phú Yên, giai đoạn 1996-2011. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tỷ trọng chuyển dịch, cho thấy kết quả tăng năng suất lao động tỉnh Phú Yên thời gian qua chủ yếu đạt được từ hiệu ứng chuyển dịch tỉnh, còn yếu tố nội sinh và hiệu ứng chuyển dịch động lại có biểu hiện của “gánh nặng cơ cấu” và sự lạc hậu về công nghệ trong quá trình chuyển dịch.

Từ khóa: năng suất lao động, chuyển dịch cơ cấu kinh tế

1. Giới thiệu

Nâng cao năng suất lao động là nhân tố quyết định cho sản xuất phát triển và đời sống con người được nâng cao. Nhờ nâng cao năng suất lao động mà khối lượng sản phẩm vật chất và dịch vụ của xã hội tăng. Năng suất lao động xã hội tăng lên là yếu tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, góp phần mở rộng quan hệ và hợp tác quốc tế, thúc đẩy hội nhập...

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao năng suất lao động xã hội đã được chính quyền tỉnh Phú Yên xác định là hướng đi tất yếu để đưa địa phương tiến mạnh hơn trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện, chuyển dịch cơ cấu kinh

tế vẫn chưa mang lại mức tăng thực sự bền vững về năng suất lao động xã hội. Do đó, việc nhận diện các yếu tố nào trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế có thể đem lại mức tăng trưởng suất lao động xã hội cao cho địa phương là việc làm rất có ý nghĩa thực tiễn.

2. Cơ sở lý thuyết

Năng suất lao động

Năng suất lao động là chỉ tiêu đo lường hiệu quả sử dụng lao động cụ thể trong quá trình sản xuất, đặc trưng bởi quan hệ so sánh giữa một chỉ tiêu đầu ra (kết quả sản xuất) với lao động để sản xuất ra nó. Ở từng đơn vị kinh tế (như công ty, doanh nghiệp...), năng suất lao động đo bằng số lượng sản phẩm sản xuất ra trên một đơn vị thời gian tính cho một công nhân hay nhân viên. Còn ở phạm vi toàn nền kinh tế, năng suất lao động biểu hiện thành năng



suất lao động xã hội (LP), được xác định trên cơ sở tổng sản phẩm quốc nội (GDP) hoặc tổng sản phẩm quốc dân (GNP) chia cho số lượng lao động đang làm việc ở mỗi thời kỳ trong nền kinh tế (L).

$$LP = GDP/L \quad (1)$$

Tăng năng suất lao động là sự tăng lên của sức sản xuất, là sự thay đổi trong cách thức lao động theo hướng làm rút ngắn thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra một hàng hóa, sao cho lượng lao động ít hơn mà lại sản xuất ra nhiều giá trị sử dụng hơn (Trần Xuân Cầu & Mai Quốc Chánh, 2012). Đây là con đường tăng tổng sản phẩm xã hội không có giới hạn, vì nó phụ thuộc vào sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, mà sự tiến bộ này đã được thực tiễn chứng minh là vô hạn. Do đó đối với Phú Yên nói riêng và cả nước nói chung hiện nay, tăng năng suất lao động được coi là vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu, là một trong ba đột phá chiến lược để chuyển đổi mô hình tăng trưởng, tái cấu trúc nền kinh tế, và là lợi thế cạnh tranh quan trọng nhất, đảm bảo cho nền kinh tế phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững (Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, 2011).

Chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Cơ cấu ngành kinh tế là tương quan giữa các ngành trong tổng thể kinh tế, thể hiện mối quan hệ hữu cơ và sự tác động qua lại cả về số và chất lượng giữa các ngành với nhau. Cơ cấu ngành kinh tế luôn thay đổi theo từng thời kỳ phát triển bởi các yếu tố hợp thành cơ cấu không cố định. Quá trình thay đổi cơ cấu của ngành từ trạng thái

này sang trạng thái khác ngày càng hoàn thiện hơn, phù hợp với môi trường và điều kiện phát triển gọi là sự chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế (Phạm Ngọc Linh & Nguyễn Thị Kim Dung, 2011, tr 82).

Xét trên khía cạnh tăng trưởng và phát triển kinh tế thì cơ cấu ngành được xem là quan trọng nhất, được quan tâm nghiên cứu nhất vì nó phản ánh sự phát triển của khoa học công nghệ, lực lượng sản xuất, phân công lao động, chuyên môn hóa và hợp tác hóa sản xuất. Trạng thái cơ cấu ngành là dấu hiệu phản ánh trình độ phát triển kinh tế của mỗi địa phương hay quốc gia. Quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành là một quá trình diễn ra liên tục và gắn với sự phát triển kinh tế. Mặt khác, nhịp độ phát triển và tính chất bền vững của quá trình tăng trưởng kinh tế lại phụ thuộc vào khả năng chuyển dịch cơ cấu ngành linh hoạt, phù hợp với những điều kiện bên trong, bên ngoài và các lợi thế tương đối của nền kinh tế.

Mối quan hệ giữa tăng năng suất lao động và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế

Khi xem xét tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế đến tốc độ tăng năng suất lao động, các nhà kinh tế giả định rằng trong điều kiện các yếu tố khác như thiết bị, vốn/lao động, lao động có trình độ tay nghề chuyên môn nhất định... là không đổi, thì chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế là nguyên nhân quan trọng dẫn đến tăng năng suất lao động xã hội. Theo mô hình hai khu vực của Lewis, một nền kinh tế bao gồm hai khu vực:



Khu vực nông nghiệp nông thôn truyền thống với năng suất thấp và khu vực công nghiệp thành thị hiện đại với năng suất cao, khu vực nông thôn dư thừa lao động trong khi có sự toàn dụng nhân công ở khu vực công nghiệp. Do đó, việc dịch chuyển lao động từ khu vực nông nghiệp sang công nghiệp sẽ khiến cho năng suất lao động của toàn bộ nền kinh tế tăng lên (E. Wayne Nafziger, 1998). Ngay cả trong nội bộ mỗi ngành (ví dụ ngành công nghiệp) cũng sẽ có sự dịch chuyển lao động từ những ngành có năng suất lao động thấp (như ngành dệt, may) sang những ngành có năng suất lao động cao hơn (như ngành điện tử, cơ khí). Sự dịch chuyển trong nội bộ các ngành cũng sẽ làm năng suất lao động của toàn bộ nền kinh tế tăng lên. Mặt khác, nếu lao động lại dịch chuyển theo chiều hướng ngược lại, tức là ngành có năng suất lao động cao sang ngành có năng suất lao động thấp thì việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế sẽ làm giảm năng suất của toàn nền kinh tế (Nguyễn Thị Lan Hương, 2008). Nếu ví tăng năng suất lao động là động cơ của quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, thì chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế cũng chính là đầu nhòm để động cơ đó luôn hoạt động.

3. Phương pháp phân tích tỷ trọng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đến tăng năng suất lao động

Phương pháp phân tích tỷ trọng chuyển dịch xem xét quá trình tăng năng suất lao động thông qua sự vận động của cơ cấu ngành kinh tế và mức độ chuyển dịch cơ cấu lao động theo ngành.

Gọi LP là tổng năng suất lao động xã hội; i tương ứng với các ngành sản xuất (i = 1,...,n, với n là số lượng các ngành); S_i là tỷ trọng lao động làm việc trong ngành i trong tổng số lao động làm việc; 0 và t là thời điểm bắt đầu và kết thúc

$$G(LP_T) = \frac{LP_T^t - LP_T^0}{LP_T^0} = \frac{\sum_{i=1}^n LP_i^0 (S_i^t - S_i^0)}{LP_T^0} + \frac{\sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0) (S_i^t - S_i^0)}{LP_i^0} + \frac{\sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0) S_i^0}{LP_i^0} \quad (2)$$

của giai đoạn nghiên cứu. Tốc độ tăng tổng năng suất lao động G(LP_T) sẽ được tính toán và phân tách thành ba bộ phận bằng công thức (2).

Phương pháp phân tích này được xây dựng bởi nhà kinh tế học Fabricant (1942), ông sử dụng để đo lường số lượng lao động trên một đơn vị sản phẩm sản xuất ra. Sau này, các nhà kinh tế học như Syrquin (1984), Fagerberg (1999), Timmer & Szirmai (2000) đã vận dụng phương pháp phân tích của Fabricant, nhưng lại nghiên cứu theo hướng nghịch đảo: Đo lường số lượng sản phẩm sản xuất ra trên một đơn vị lao động.

Phương trình trên đánh giá tốc độ tăng năng suất lao động xã hội dựa trên ba bộ phận: Về đầu tiên bên phải phương trình biểu hiện “hiệu ứng chuyển dịch tĩnh”, về thứ hai biểu hiện “hiệu ứng chuyển dịch động” và về thứ ba là “tăng năng suất lao động nội sinh” (Timmer & Szirmai, 2000).

Hiệu ứng chuyển dịch tĩnh đo lường tốc độ tăng năng suất lao động xã hội thông qua chuyển dịch cơ cấu lao động hướng tới những ngành có năng suất lao động cao hơn, sử dụng trọng số là giá trị năng suất lao động của ngành ở năm đầu tiên trong thời kỳ nghiên cứu. Theo Chenery (1986), các ngành công nghiệp nhẹ có mối quan hệ tỷ lệ giữa vốn trên lao động thấp hơn so với các ngành công nghiệp nặng, và vì những ngành tập trung nhiều vốn thường có năng suất lao động cao hơn nên sự chuyển dịch lao động từ công nghiệp nhẹ sang công nghiệp nặng sẽ có xu hướng làm tăng năng suất lao động xã hội. Mặt khác, hiệu ứng chuyển dịch tĩnh có vai trò rất quan trọng đối với các nước đang phát triển, đặc biệt là các nước nông nghiệp với đặc trưng mật độ dân số cao, công việc lại chỉ tập trung theo mùa vụ trong năm nên hiện tượng dư thừa lao động diễn ra phổ biến. Do đó, nếu lao động chuyển dịch từ khu vực nông nghiệp có năng suất lao động thấp sang khu vực công nghiệp có năng suất lao động cao hơn sẽ được coi là “phần thưởng cơ cấu” của một quốc gia đang phát triển (Timmer & Szirmai, 2000). Điều này có nghĩa giả thiết “phần thưởng cơ cấu” được xây dựng trên cơ sở kỳ vọng đóng góp của hiệu ứng chuyển dịch tĩnh vào tốc độ tăng năng suất



lao động xã hội của nền kinh tế là dương:

$$\sum_{i=1}^n LP_i^0 (S_i^t - S_i^0) > 0 \quad (3)$$

Khác với hiệu ứng chuyển dịch tĩnh chỉ hướng tới ngành có năng suất lao động cao, hiệu ứng chuyển dịch động đo lường tốc độ tăng năng suất lao động xã hội dựa trên sự thay đổi cả về năng suất lao động lẫn tốc độ tăng năng suất lao động của ngành. Nếu lao động chuyển dịch sang ngành vừa có năng suất lao động cao, vừa có tốc độ tăng năng suất lao động cao thì sẽ làm tăng năng suất lao động xã hội, hiệu ứng tương tác mang tính tích cực sẽ được khuếch đại hơn. Ngược lại, nếu lao động chuyển dịch từ các ngành phát triển năng động với tốc độ tăng năng suất cao sang các ngành truyền thống đặc trưng với tốc độ tăng năng suất thấp thì có thể là nguyên nhân dẫn đến tình trạng tăng trưởng lùi về kinh tế. Baumol (1967) gọi đây là “gánh nặng cơ cấu” trong quá trình phân phối lại lực lượng lao động theo ngành. Do vậy, khi xuất hiện gánh nặng cơ cấu thì hiệu ứng chuyển dịch động sẽ mang dấu âm:

$$\sum_{i=1}^n (LP_i^t - LP_i^0) (S_i^t - S_i^0) < 0 \quad (4)$$

Hiệu ứng cuối cùng trong tăng năng suất lao động xã hội là năng suất lao động nội sinh, phản ánh năng suất lao động được cải thiện trong điều kiện không có sự chuyển dịch cơ cấu lao động,

quy mô lao động làm việc tại mỗi ngành trong nền kinh tế là không đổi trong thời kỳ nghiên cứu. Bộ phận này có thể coi là yếu tố năng suất nhân tố tổng hợp (TFP), vì ngoài nhân tố chuyên dịch cơ cấu ngành, tăng năng suất lao động còn là kết quả của việc ứng dụng tiến bộ công nghệ, cải tiến hiệu quả kỹ thuật thông qua cải tiến phương pháp quản trị, đào tạo, nâng cao chất lượng, tay nghề của người lao động..., và tất cả ảnh hưởng của các yếu tố này đã được tính gộp trong tốc độ tăng năng suất lao động nội sinh.

4. Ứng dụng phương pháp phân tích tỷ trọng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế đến tăng năng suất lao động tại tỉnh Phú Yên

Ứng dụng phương pháp phân tích tỷ trọng chuyển dịch trình bày ở trên, sử dụng bộ số liệu thống kê của tỉnh Phú Yên để tính toán các yếu tố góp phần làm tăng năng suất lao động tỉnh Phú Yên trong giai đoạn 1996- 2011, thể hiện ở Bảng 1.

Kết quả tính toán được xem xét trên cả hai khía cạnh: Tỷ lệ tăng (giảm) của mỗi yếu tố đóng góp vào tốc độ tăng năng suất lao động xã hội ở mỗi giai đoạn và tỷ trọng, thể hiện tỷ lệ đóng góp của các yếu tố vào mức tăng năng suất lao động xã hội.

Theo tính toán trên, các yếu tố đóng góp vào tăng năng suất lao động xã hội ở Phú Yên có biến động rất khác nhau ở các kỳ nghiên cứu. Nếu như ở hai giai đoạn đầu của thời kỳ nghiên cứu, yếu tố năng suất lao động nội sinh như đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật, trình độ tay nghề, khả năng tổ chức- quản lý... đã thể hiện mức độ tri

Bảng 1. Tốc độ tăng năng suất lao động Phú Yên theo tỷ trọng chuyển dịch

Giai đoạn	1996-1998	1998-2000	2000-2004	2004-2008	2008-2011
Quy mô (điểm phần trăm)					
Hiệu ứng chuyển dịch tĩnh	22,42	1,60	13,08	4,89	28,72
Hiệu ứng chuyển dịch động	-4,97	-0,01	-0,35	1,58	-8,70
NSLĐ nội sinh	-9,48	-0,05	10,16	36,71	3,02
Tốc độ tăng NSLĐXH	7,97	1,54	22,89	43,18	23,04
Tỷ trọng (%)					
Hiệu ứng chuyển dịch tĩnh	281,23	104,26	57,22	11,33	124,63
Hiệu ứng chuyển dịch động	-62,30	-0,75	-1,55	3,66	-37,74
NSLĐ nội sinh	-118,93	-3,51	44,33	85,01	13,11
Tăng NSLĐXH	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00

Nguồn: Tính toán từ số liệu thống kê tỉnh Phú Yên



trệ, không hiệu quả của việc ứng dụng khoa học công nghệ trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế địa phương, góp phần làm giảm năng suất lao động xã hội của Tỉnh đến 9,48 điểm phần trăm ở giai đoạn 1996-1998 và 0,05 điểm phần trăm ở giai đoạn 1998- 2000; thì những năm tiếp theo, sau khi chặn đứng được đà suy giảm kinh tế do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tiền tệ châu Á, năng suất lao động nội sinh tỉnh Phú Yên đã mang lại mức tăng trưởng dương, đặc biệt còn đóng góp hơn 85% vào sự gia tăng của năng suất lao động xã hội trong giai đoạn 2004- 2008. Đây là thời kỳ tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ nhất của Phú Yên kể từ khi bước vào kỷ nguyên mới, nguồn lực quan trọng

được cách tổ chức quản lý tiên tiến, là điều kiện để nâng cao năng suất lao động nội sinh (Sở Kế hoạch- Đầu tư Phú Yên, 2010).

Kết quả đã chứng minh, hiệu ứng chuyển dịch tỉnh đóng vai trò rất quan trọng trong thời gian qua. Nghiên cứu cho thấy, quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông- lâm- thủy sản sang khu vực công nghiệp- xây dựng và thương mại- dịch vụ với năng suất cao hơn diễn ra mạnh mẽ, tác động tích cực đến năng suất lao động xã hội, đặc biệt trong hai giai đoạn 1996- 1998 và 2008- 2011, sự chuyển dịch này làm năng suất lao động tăng 22,42 và 28,72 điểm phần trăm, tương đương với đóng góp 281,23% và 124,63% vào tốc độ tăng năng suất lao động xã hội. Kết

Tăng năng suất lao động xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế là hai vấn đề trung tâm để một nền kinh tế tăng trưởng. Xem xét mối quan hệ của chúng cũng chính là đi tìm phương án tối ưu để giải quyết vấn đề. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tăng năng suất lao động Phú Yên thời gian qua chủ yếu đạt được nhờ vào chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp năng suất thấp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ với năng suất cao hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, tốc độ tăng năng suất lao động ở hai khu vực công nghiệp và dịch vụ không nhanh, chứng tỏ tăng năng suất lao động xã hội đạt được chủ yếu là do mở rộng các ngành thâm dụng lao động để hút lao động dôi dào với giá rẻ ở khu vực nông nghiệp, chứ chưa phải là tăng năng suất xã hội đạt được do cải tiến về công nghệ hay trình độ tay nghề.

cho sự tăng trưởng này chính là vốn đầu tư nước ngoài. Tỷ trọng kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài trong cơ cấu GDP chung của Tỉnh tăng liên tục qua các năm: Năm 2006 chiếm 1,8%, năm 2007 chiếm 2,8%, năm 2008 chiếm 2,9%. Những năm gần đây, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới kéo dài cho nên các dự án đầu tư nước ngoài giải ngân còn chậm, tuy nhiên nó đã góp phần quan trọng trong việc tạo việc làm, tăng năng suất lao động xã hội. Đến nay, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo ra việc làm cho trên 3.456 lao động trực tiếp và hàng ngàn lao động gián tiếp với thu nhập cao hơn mức thu nhập bình quân của Tỉnh. Thông qua sự tham gia trực tiếp vào hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Phú Yên đã từng bước hình thành đội ngũ cán bộ quản lý, công nhân kỹ thuật trình độ cao, lao động có tay nghề và có tác phong công nghiệp, có kỷ luật lao động, học hỏi

qua trên phản ánh đúng lý thuyết của Lewis về sự chuyển dịch lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp trong thời kỳ đầu phát triển, khi mà lao động ở nông nghiệp còn dư thừa nhiều. Ý nghĩa to lớn của hiệu ứng chuyển dịch tỉnh ở Phú Yên cho thấy trong giai đoạn đầu của quá trình công nghiệp hóa, do năng suất lao động của các ngành phi nông nghiệp cao hơn rất nhiều lần, nên chỉ cần giảm lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp đưa sang làm việc trong khu vực phi nông nghiệp cũng đã đem lại sự tăng trưởng mạnh mẽ về năng suất lao động xã hội.

Cuối cùng, hiệu ứng chuyển dịch động của cơ cấu kinh tế hầu như chưa có đóng góp gì vào việc tăng năng suất lao động Phú Yên qua các kỳ nghiên cứu, thậm chí có hai giai đoạn nghiên cứu có hiệu ứng chuyển dịch động là âm khá cao, với tỷ lệ đóng góp -62,3% và -37,74%, thể hiện tốc độ tăng năng suất lao động xã hội ở khu



vực công nghiệp và dịch vụ bị đình trệ, thấp hơn so với tốc độ tăng ở khu vực nông nghiệp, tạo ra “gánh nặng cơ cấu” cho nền kinh tế. Gánh nặng này xuất phát chủ yếu từ đặc điểm lao động của Phú Yên đơn thuần chỉ là dịch chuyển về số lượng, với ưu thế giá rẻ và dồi dào, chưa có trình độ tay nghề cao, nên các sản phẩm công nghiệp thường mang tính thâm dụng yếu tố lao động nhiều hơn công nghệ và vốn, dẫn đến tốc độ tăng năng suất lao động không nhanh, trong khi đó khu vực nông nghiệp được giải phóng một lực lượng lao động do quá trình chuyển dịch, đồng thời khu vực này đang có xu hướng sử dụng công nghệ sinh học và máy móc thiết bị vào sản xuất, nên năng suất lao động tăng nhanh hơn. Gánh nặng cơ cấu sẽ tiếp tục xuất hiện và tồn tại nếu như khu vực công nghiệp và dịch vụ không cải tiến được năng suất lao động

5. Một số kiến nghị liên quan đến chính sách

Tăng năng suất lao động xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế là hai vấn đề trung tâm để một nền kinh tế tăng trưởng. Xem xét mối quan hệ của chúng cũng chính là đi tìm phương án tối ưu để giải quyết vấn đề. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng tăng năng suất lao động Phú Yên thời gian qua chủ yếu đạt được nhờ vào chuyển dịch cơ cấu lao động từ khu vực nông nghiệp năng suất thấp sang khu vực công nghiệp và dịch vụ với năng suất cao hơn. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, tốc độ tăng năng suất lao động ở hai khu vực công nghiệp và dịch vụ không nhanh, chứng tỏ tăng năng suất lao động xã hội đạt được chủ yếu là do mở rộng các ngành thâm dụng lao động để hút lao động dồi dào với giá rẻ ở khu vực nông nghiệp, chứ chưa phải là tăng năng suất xã hội đạt được do cải tiến về công nghệ hay trình độ tay nghề.

Nếu so với các nước đang phát triển trên thế giới về tỷ lệ lao động, Phú Yên là địa bàn kinh tế có tỷ lệ lao động giản đơn rất cao; tỷ lệ lao động là công nhân kỹ thuật lại rất thấp; còn tỷ lệ kỹ sư và trên đại học khá cao. Cụ thể, theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009 được công bố vào tháng 6/2010, dân số trong độ tuổi lao động ở Phú Yên chiếm 66,2%, trong đó 1 kỹ sư và trên đại học có 1,03 kỹ thuật

viên (cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp) và 1,32 công nhân kỹ thuật lành nghề (tỷ lệ này tính cho cả nước Việt Nam tương ứng là 1-1,31-0,46), trong khi quy định chuẩn về cơ cấu trình độ chuyên môn kỹ thuật của lao động khu vực châu Á hiện nay là 1-4-10. Như vậy, cũng như cả nước nói chung, Phú Yên đang thiếu lực lượng lao động có tay nghề, mất cân đối trong cơ cấu đào tạo. Do đó, để nâng cao năng suất lao động xã hội, Phú Yên cần quan tâm đến một số các giải pháp sau:

Một là, nên cơ cấu lại kinh tế của từng ngành và toàn bộ vùng kinh tế. Hiện nay, tư duy kinh tế được đề cập trong các báo cáo phương hướng phát triển tỉnh Phú Yên vẫn là ưu tiên, hỗ trợ, tăng cường thu hút đầu tư hình thành các ngành công nghiệp có hàm lượng kỹ thuật và công nghệ cao như điện tử, hoá dầu, cơ khí... Tuy nhiên chưa có một số liệu thống kê nào chứng tỏ rằng đây là những thế mạnh và hứa hẹn của Phú Yên trong tương lai, bởi việc phát triển những ngành công nghiệp này không hề dựa vào thế mạnh địa phương mà có thể do những yếu tố khác. Trong khi đó, nhờ khai thác thế mạnh của mình, Phú Yên đã là địa điểm nổi tiếng về hải sản tươi sống và các mặt hàng gia dụng như hạt điều, bánh tráng, gạo, cà phê. Hơn thế, đây chính là những ngành giúp giải quyết việc làm và nâng cao đời sống cho phần lớn người dân Phú Yên, thế nhưng các mặt hàng này mới chỉ dừng ở mức sơ chế hoặc gia công, việc đầu tư vào những khâu có giá trị gia tăng cao hơn dường như chưa được chú trọng đúng mức. Do đó cần phải cơ cấu lại các ngành, nghề, sản phẩm theo hướng ưu tiên lựa chọn phát triển các sản phẩm tiếp theo dựa trên những sản phẩm hiện có, nhất là các sản phẩm xuất khẩu nhằm phát huy năng lực sẵn có của địa phương.

Hai là, để việc cơ cấu lại ngành nghề, sản phẩm diễn ra thuận lợi, Chính quyền địa phương nên thay đổi cơ cấu đầu tư theo hướng ưu tiên phát triển công nghiệp phục vụ nông nghiệp nông thôn, đặc biệt là công nghiệp sản xuất thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất và thu hoạch nông sản, công nghiệp bảo quản sau thu hoạch, công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm với



trình độ công nghệ cao và sạch nhằm tăng sức cạnh tranh, thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động về địa bàn nông thôn để góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động. Đồng thời, để đáp ứng được nhu cầu nhân lực chất lượng cao phục vụ cho các ngành công nghiệp hiện đại, Phú Yên không những phải đẩy mạnh thực sự các chính sách thu hút nhân tài, mà còn phải là trung gian để kết nối giữa các chủ dự án đầu tư cần nguồn nhân lực chất lượng cao với các trường trong khu vực để kịp thời đáp ứng đủ nhu cầu về nhân lực cho tăng trưởng và phát triển kinh tế.

Ngoài ra, tính toán còn cho thấy mặc dù các yếu tố nội sinh không duy trì được mức tăng ổn định, nhưng rõ ràng chúng có đóng góp đáng kể vào quá trình tăng năng suất lao động xã hội. Năng suất lao động nội sinh có thể được phát huy thông qua việc huy động, khai thác, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực kinh doanh, năng lực quản lý điều hành. Để làm được những điều này, một mặt cần phải có chính quyền mạnh, có năng lực xây dựng và thực hiện chính sách nhất quán, minh bạch; mặt khác, cần phải có các doanh nghiệp thực hiện được các khâu đột phá và là chủ thể của các hoạt động sáng tạo tri thức, kỹ thuật. Vai trò của chính quyền địa phương thể hiện ở việc hỗ trợ sự phát triển của doanh nghiệp bằng cách xây dựng hệ thống thông tin kinh tế hoàn hảo, dễ tiếp cận; thiết kế hệ thống cơ chế chính sách theo hướng tôn vinh, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư dài hạn; bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và tạo sự bình đẳng trong tiếp cận các yếu tố sản xuất của các thành phần kinh tế. Ngược lại, nhiệm vụ của doanh nghiệp là tận dụng sự hỗ trợ của chính quyền để phát huy hiệu quả công việc; cải tiến năng lực tổ chức sản xuất, đổi mới công nghệ để nâng cao năng suất lao động trong mỗi đơn vị của doanh nghiệp mình, từ đó góp phần nâng cao năng suất lao động xã hội cho địa phương.

Nói tóm lại, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế để nâng cao năng suất lao động xã hội được coi là một trong những vấn đề cốt lõi trong điều hành phát triển kinh tế - xã hội nhằm đảm bảo cho sự thịnh vượng và phát triển bền vững. Bằng

phương pháp phân tích tỷ trọng chuyển dịch cơ cấu đơn giản, dễ tính, số liệu sẵn có và ít phải xử lý- phù hợp với thực trạng số liệu và chuỗi thời gian không dài của những khu vực chưa phát triển về ngành thống kê như ở Việt Nam nói chung và Phú Yên nói riêng, kết quả phân tích rất có ý nghĩa kiểm định đối với các nhận xét về tương quan giữa quá trình tăng năng suất lao động xã hội và chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế. Tuy nhiên, mặt hạn chế của phương pháp này là ít có tính dự báo cho tương lai, do vậy cần phải tiếp tục nghiên cứu mối quan hệ này theo các phương pháp khác. ■

Tài liệu tham khảo

1. Trần Xuân Cầu & Mai Quốc Chánh (2012), *Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
2. Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng (2011), *Thực hiện tốt 3 khâu đột phá chiến lược mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI đề ra là nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ nhiệm kỳ 2011- 2016*, www.thanhnien.com.vn, truy cập ngày 14/03/2013
3. Nguyễn Thị Lan Hương (2007), “Phân tích tác động của chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế tới tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, số 353, tr3-11.
4. Phạm Ngọc Linh & Nguyễn Thị Kim Dung (2011), *Giáo trình Kinh tế phát triển*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
5. *Sơ Kế hoạch- Đầu tư Phú Yên (2010)*, báo cáo tình hình đầu tư trực tiếp nước ngoài 2006- 2010.
6. *Cục Thống kê Tỉnh Phú Yên*, số liệu thống kê qua các năm.
7. E. Wayne Nafziger (1998), *Kinh tế học của các nước đang phát triển*, NXB Thống Kê, Hà Nội.
8. Hollis B. Chenery, Sherman Robinson, Moshe Syrquin (1986), *Industrialization and Growth: A comparative study*, Oxford University Press, New York.
9. Marcel Timmer & Adam Szirmai (2000), “Productivity Growth in Asian manufacturing: the structural bonus hypothesis examined”, in: *Structural Change and Economic Dynamics*, pp371- 392.
10. William J. Baumol (1967), *Macroeconomics of Unbalanced growth: The anatomy of Urban crisis*, *The American Economic Review*, pp415- 426.